

THÔNG TƯ

Ban hành Quy trình kỹ thuật điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 18/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về quản lý và thực hiện hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh;

Theo đề nghị của Tư lệnh Binh chủng Công binh;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư ban hành Quy trình kỹ thuật điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy trình kỹ thuật điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ.

Điều 2.

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2021.

2. Thông tư số 154/2013/TT-BQP ngày 19 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc ban hành Quy trình kỹ thuật rà phá bom mìn, vật nổ dưới biển; Quyết định số 95/2003/QĐ-BQP ngày 07 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc ban hành Quy trình kỹ thuật dò tìm, xử lý bom mìn, vật nổ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tư lệnh Binh chủng Công binh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng BQP (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch & Đầu tư, Nội vụ, Tư pháp, Lao động - Thương binh & Xã hội, Giao thông vận tải, Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Công Thương, Tài nguyên & Môi trường;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc BQP;
- Các Cục: Tác chiến/BTTM, Doanh trại/TCHC;
- Vụ Pháp chế/BQP;
- Công báo; Cổng TTĐT CP, Cổng TTĐT/BQP;
- Lưu: VT, THBĐ.TrH108.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Thượng tướng Nguyễn Tân Cương

**QUY TRÌNH KỸ THUẬT
ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT, RÀ PHÁ BOM Mìn VẬT NỔ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 121 /2021/TT-BQP
ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy trình kỹ thuật này quy định và hướng dẫn về hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy trình kỹ thuật này áp dụng đối với đơn vị, tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ.

Điều 3. Quy ước viết tắt

1. Bom mìn vật nổ: BMVN.
2. Điều tra: ĐT.
3. Khảo sát: KS.
4. Rà phá bom mìn vật nổ: RPBМ.
5. Điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ: ĐT, KS, RPBМ.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy trình kỹ thuật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tín hiệu* là tất cả các loại BMVN và các loại vật thể có chứa kim loại (sắt, thép, vàng, bạc, đồng, nhôm...), mảnh bom mìn, đạn mà con người hoặc các loại máy dò đang sử dụng có thể phát hiện được.
2. *Mật độ tín hiệu* là số lượng tín hiệu trung bình trên một đơn vị diện tích.
3. *Khu vực bãi mìn* là khu vực được phát hiện có bố trí mìn theo hoặc không theo một quy cách nhất định.
4. *Khu vực không phải bãi mìn* là khu vực không có mìn, nhưng có các loại bom đạn, vật nổ ở các mức độ khác nhau còn sót lại sau chiến tranh do hành động khác nhau của các bên liên quan.
5. *Khu vực đặc biệt* là khu vực trước đây là bãi huỷ bom, đạn; các kho bom, đạn đã từng bị nổ nhiều lần; quanh các căn cứ, đồn bốt, trận địa cũ; một số khu vực thuộc vành đai biên giới phía Bắc có bố trí chông lán nhiều lớp mìn.
6. *Khu vực ô nhiễm bom mìn vật nổ* là khu vực được xác định có BMVN còn sót lại sau chiến tranh.

7. *Khu vực nghi ngờ ô nhiễm bom mìn vật nổ* là khu vực có dấu hiệu nghi ngờ về sự tồn tại của BMVN.

8. *Điều tra bom mìn vật nổ* là hoạt động liên quan đến việc thu thập, phân tích, đánh giá các thông tin, dữ liệu về BMVN sau chiến tranh, phỏng vấn nhân chứng và quan sát trực quan tại hiện trường nhằm xác định diện tích đất đai bị ô nhiễm, nghi ngờ ô nhiễm hoặc không ô nhiễm BMVN trong một khu vực đất đai nhất định.

9. *Khảo sát bom mìn vật nổ* là hoạt động thu thập và phân tích dữ liệu bằng trang thiết bị kỹ thuật để xác định về sự hiện diện, chủng loại, phân bố của BMVN còn sót lại sau chiến tranh, để xác định chính xác khu vực ô nhiễm, không ô nhiễm BMVN.

10. *Rà phá bom mìn vật nổ* là hoạt động dò tìm, thu gom, tiêu hủy hoặc vô hiệu hóa BMVN đến độ sâu xác định là bị ô nhiễm BMVN nhằm giải phóng đất đai, khôi phục sản xuất, bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản của Nhân dân.

11. *Đất được làm sạch* là khu vực khẳng định ô nhiễm BMVN nhưng đã được làm sạch BMVN thông qua hoạt động RPBM.

12. *Bằng chứng gián tiếp* là bằng chứng giúp định hướng việc huy động nguồn lực để tiến hành ĐT hoặc KS. Bằng chứng gián tiếp có thể là dữ liệu về BMVN nhưng có độ tin cậy chưa cao cần thêm thông tin để kiểm chứng.

13. *Bằng chứng trực tiếp* là bằng chứng trực quan về các loại BMVN tìm được qua ĐT, KS và các dữ liệu về BMVN có độ tin cậy cao.

14. *Hành lang an toàn* là phần diện tích đất liền kề xung quanh khu vực sẽ xây dựng công trình và cần được làm sạch BMVN để tránh tác động của BMVN còn lại trên phần diện tích này tới việc thi công công trình. Bề rộng của hành lang an toàn là khoảng cách trên bề mặt tính từ mép ngoài diện tích sử dụng cho công trình đến mép ngoài của khu vực được RPBM.

15. *Phương án kỹ thuật thi công, dự toán RPBM* là tài liệu thi công thể hiện đầy đủ các thông số kỹ thuật của dự án; thể hiện rõ nhiệm vụ, đặc điểm tình hình có liên quan; khối lượng thi công; biện pháp tổ chức thi công, giải pháp kỹ thuật; quy trình kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình quản lý chất lượng được áp dụng; sử dụng trang thiết bị; tiến độ thi công; công tác bảo đảm; kiến nghị.

Điều 5. Yêu cầu đối với hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ

1. Cán bộ, kỹ thuật viên đủ về số lượng, sức khỏe và được kiểm tra sức khỏe định kỳ, được đào tạo và cấp chứng chỉ theo quy định của pháp luật, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ theo phương án thi công được phê duyệt.

2. Trang thiết bị kỹ thuật, bảo hộ lao động, cứu hộ cứu nạn, phòng chống cháy nổ dùng cho ĐT, KS, RPBM phải đủ số lượng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn về ĐT, KS, RPBM và đúng phương án thi công được phê

duyet; phải được kiểm tra, kiểm định theo định kỳ tại cơ sở kiểm định có thẩm quyền về tình trạng kỹ thuật.

3. Quá trình thực hiện ĐT, KS, RPBM phải tuân thủ Quy trình kỹ thuật này, không để xảy ra mất an toàn.

4. Định kỳ kiểm tra kết quả công tác RPBM theo phương pháp xác suất, khối lượng diện tích kiểm tra không ít hơn 1% tổng số diện tích đã thi công.

5. Đơn vị, tổ chức tham gia hoạt động ĐT, KS, RPBM phải có giấy phép còn hiệu lực hoặc được cấp chứng chỉ năng lực theo quy định.

6. Kế hoạch, phương án kỹ thuật thi công, dự toán do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Yêu cầu về diện tích, độ sâu, hành lang an toàn trong rà phá bom mìn vật nổ

1. Đối với diện tích gồm:

a) Diện tích mặt bằng sử dụng của công trình, dự án gồm toàn bộ hoặc một phần diện tích được giao quyền sử dụng (căn cứ vào số liệu khảo sát và các tài liệu được cung cấp về tình hình ô nhiễm BMVN). Trường hợp khu vực địa hình không bằng phẳng có độ dốc lớn hơn 10% thì diện tích RPBM được tính theo mặt dốc của địa hình;

b) Diện tích hành lang an toàn được quy định cụ thể cho từng loại dự án có xét đến tầm quan trọng của dự án.

2. Đối với độ sâu được xác định như sau:

a) Đối với dự án phục vụ việc khai hoang, phục hoá đất canh tác, đất nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp: độ sâu RPBM là 0,3 m hoặc 0,5 m hoặc 1 m;

b) Đối với dự án tái định cư, xây dựng nhà có chiều cao dưới 10 m; kênh mương thủy lợi, hồ chứa nước, nạo vét luồng lạch có độ sâu nạo vét nhỏ hơn 3 m; đường giao thông đến cấp III, IV, V, giao thông tuyến huyện, tuyến giao thông nông thôn; tuyến cáp quang, cáp điện ngầm, tuyến ống dẫn dầu, dẫn khí đốt, công trình thủy lợi, đê điều, công trình nông nghiệp, phát triển nông thôn và các dự án tương tự có độ sâu đào không quá 3 m: độ sâu RPBM là 3 m;

c) Đối với dự án xây dựng dân dụng có chiều cao 10 m trở lên; xây dựng công nghiệp, đường giao thông cấp I, II, cao tốc, cầu, bến cảng và dự án tương tự; dự án nạo vét luồng lạch có độ sâu nạo vét từ 3 m đến 5 m; các dự án khoan thăm dò hoặc xây dựng công nghiệp khai thác dầu khí, thủy điện, trụ đường dây cao thế, trung thế, công trình thủy lợi, đê điều, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn có độ sâu đào lớn hơn 3 m: độ sâu RPBM là 5 m;

d) Đối với công trình có tầm quan trọng đặc biệt theo yêu cầu của chủ đầu tư, những nơi có đánh dấu bom chưa nổ nhưng không phát hiện được khi đã dò tìm đến độ sâu 5 m: độ sâu RPBM lớn hơn 5 m.

3. Đối với hành lang an toàn được xác định như sau:

a) Đường giao thông cấp I, cấp II: 5 m; đường giao thông cấp III, cấp IV: 3 m; đường giao thông từ cấp V trở xuống, đường giao thông nông thôn: 2 m tính từ mép trên ta luy đào, chân ta luy đắp hoặc mép ngoài rãnh dọc ra phía ngoài về mỗi bên;

b) Đối với dự án xây dựng dân dụng, công nghiệp: 3 m tính từ mép chu vi đường biên ra phía ngoài;

c) Nạo vét luồng lạch, độ sâu nạo vét không quá 3 m: 10 m; luồng lạch có độ sâu nạo vét lớn hơn 3 m: 15 m tính từ mép trên ta luy đào của luồng hoặc kênh ra phía ngoài về mỗi bên;

d) Cầu nhỏ, cống qua đường các loại: 15 m; cầu lớn, cửa đường hầm giao thông, bến cảng: 50 m tính từ mép công trình ra phía ngoài về 4 phía;

đ) Tuyến đường cáp quang, cáp thông tin, cáp điện ngầm: 1 m đối với trường hợp thi công bằng thủ công và 3 m đối với trường hợp thi công bằng máy, tính từ mép ngoài của công trình ra phía ngoài về mỗi bên;

e) Tuyến đường ống dẫn nước các loại: 1 m đối với trường hợp thi công bằng thủ công và 3 m đối với trường hợp thi công bằng máy tính từ mép trên ta luy đào, chân ta luy đắp ra phía ngoài về mỗi bên;

g) Tuyến đường ống dẫn dầu, dẫn khí có đường kính ống nhỏ hơn hoặc bằng 0,2 m: 15 m; tuyến đường ống dẫn dầu, dẫn khí có đường kính ống lớn hơn 0,2 m: 25 m tính từ mép trên ta luy đào, chân ta luy đắp ra phía ngoài về mỗi bên;

h) Kè bờ sông, biển: 5 m tính từ mép ngoài cùng hố móng ra phía ngoài về mỗi bên;

i) Lỗ khoan khảo sát địa chất, khai thác nước ngầm: 50 m; khoan, khai thác dầu mỏ và khí đốt: 100 m tính từ tim lỗ ra xung quanh;

k) Công trình hệ thống dẫn nước, chuyển nước, đê sông, đê biển, đê cửa sông không quá 5 m; công trình thủy lợi đầu mối, công trình phòng chống thiên tai, công trình trong đê, trên đê, dưới đê đối với cấp I, cấp II không quá 30 m và đối với cấp III, cấp IV không quá 10 m tính từ mép trên ta luy đào, chân ta luy đắp ra phía ngoài mỗi bên;

l) Các dự án khai hoang, phục hoá, tái định cư, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và các công trình nông nghiệp, phát triển nông thôn khác: 3 m tính từ mép chu vi đường biên ra phía ngoài;

m) Đối với các công trình khác, việc quy định về khoảng cách hành lang an toàn được quy định cụ thể trên cơ sở tham khảo các quy định tương ứng với từng loại công trình quy định từ điểm a đến điểm l khoản này và theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Điều 7. Quy tắc an toàn trong điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ

Công tác an toàn thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ĐT, KS, RPBM.